

Bản án số: 32/2026/HS-ST

Ngày: 21 - 7 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân và ông Trần Hoàng Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Đồng Phước Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến (một điểm cầu trung tâm tại Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ và một điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Cần Thơ) vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2026/TLST-HS, ngày 24 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **T**; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giam từ ngày 15/4/2026 cho đến nay. *(có mặt)*

Bị hại:

1/. Ông L. Địa chỉ: Ấp A1, xã B, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt)*

2/. Ông P. Địa chỉ: Ấp A2, xã B1, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp ổn định và cần tiền tiêu xài cá nhân, T đã nảy sinh ý định tìm kiếm tài sản không có người trông coi hoặc quản lý sơ hở để trộm cắp, bán lấy tiền tiêu xài. Kết quả điều tra đã xác định, T đã 02 lần thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể các lần như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 04 giờ 20 phút ngày 08/3/2026, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đen, biển số N-NN1 (thuộc sở hữu của cha T) đi về nhà. Sau đó, T tiếp tục điều khiển xe về hướng Trung tâm thương mại xã B rồi đi ra khu tái định cư xã B thuộc ấp A1, xã B, thành phố Cần Thơ. Trên đường đi, thấy

bên hông nhà ông L có để 01 máy tưới nước không có người trông coi, T nảy sinh ý định lấy trộm. T dừng xe cách nhà ông L một đoạn rồi đi bộ theo đường cặp bên hông nhà, đến gần nơi không có hàng rào, rồi chui qua khung sắt, tiếp cận vị trí để máy tưới nước, dùng hai tay bê máy đem ra ngoài. T đặt máy tưới nước bên hông phải rồi điều khiển xe về nhà, cất giấu máy trong phòng ngủ. Sau khi bị phát hiện và mời làm việc, T đã giao nộp tài sản trộm cắp được cho cơ quan Công an.

Lần thứ hai: Vào sáng ngày 03/4/2026, T đi bộ từ khu tái định cư xã B thuộc ấp A1, xã B, thành phố Cần Thơ ra hướng khu nhà mộ cuối đường. Tại đây, T phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Maxway, màu đỏ đen, biển số N-NN2 thuộc sở hữu, quản lý của ông P cắm sẵn chìa khóa trên ổ khóa, T nảy sinh ý định lấy trộm. T quan sát xung quanh thấy không có ai nên liền tiếp cận xe, ngồi lên xe, mở khóa, khởi động máy rồi điều khiển xe chạy về hướng xã Nhơn Mỹ, thành phố Cần Thơ. Trên đường tẩu thoát, T bị lực lượng Công an phát hiện và mời về cơ quan làm việc. Tại Cơ quan điều tra, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03 ngày 25/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã B kết luận: 01 máy nỏ, loại máy hai thì, màu đen, đã qua sử dụng, phần máy nỏ dài 17cm, ngang 23cm, phần trục lắp máy có chiều dài 155cm, phần lắp máy có gắn đầu bơm dùng để tưới cây có giá trị là 3.000.000 đồng; 01 ống nước bằng nhựa dẻo màu xanh, dài 2,5m có giá trị là 45.000 đồng; tổng cộng là 3.045.000 đồng. Tại Kết luận định giá tài sản số 04 ngày 13/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Maxway, màu đỏ đen, biển số N-NN2, đã qua sử dụng, số khung XXXX, số máy YYYYY, xe đăng ký lần đầu ngày 06/4/2007 có giá trị là 3.000.000 đồng. Như vậy, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 6.045.000 đồng.

Trên cơ sở kết quả điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ thu được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giam đối với T từ ngày 15/4/2026 cho đến nay.

Về thu giữ, tạm giữ và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ, tạm giữ và đã xử lý các vật chứng gồm trả lại cho ông L 01 máy nỏ, loại máy hai thì, màu đen, đã qua sử dụng, phần máy nỏ dài 17cm, ngang 23cm; lắp máy có chiều dài 155cm; lắp máy có gắn đầu bơm (loại bơm nước để tưới cây), đã qua sử dụng và 01 ống nước bằng nhựa dẻo màu xanh, dài 2,5m, đã qua sử dụng (theo Quyết định xử lý vật chứng số C3512/QĐ-VPCQCSĐT ngày 28/4/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ); trả lại cho ông P 01 xe mô tô nhãn hiệu Maxway, màu đỏ đen, biển số N-NN2, đã qua sử dụng (theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số C3511/QĐ-VPCQCSĐT ngày 28/4/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ); trả lại cho T 01 nón bảo hiểm màu đen, kiểu dáng mũ lưỡi trai, có chữ NIKE phía trước, đã qua sử dụng và trả lại cho ông H 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đen, biển số N-NN1, đã qua sử dụng, bị bể nhiều nơi, bên dưới phần gác chân bên phải, không có miếng ốp dưới sườn, bên sườn bên trái không có miếng mũ ốp từ yên xe trở xuống (theo Quyết định

trả lại tài sản số 01/QĐ-VKSCT-KV ngày 22/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ). Hiện Cơ quan điều tra không còn tạm giữ đồ vật, tài sản nào khác.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị hại ông L và ông P đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự.

Tại Bản Cáo trạng số 18/CT-VKSCTO-KV ngày 23/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ đã nhận định hành vi phạm tội nêu trên của T, từ đó quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ để xét xử T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ giữ quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 38, Điều 50, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo mức án tù 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đề nghị không xem xét. Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị áp dụng theo quy định pháp luật.

- Bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ đã truy tố và thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai cho bị cáo. Lời nói sau cùng, bị cáo gửi lời xin lỗi đến các bị hại.

- Bị hại ông P đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và các bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy, ông L đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của ông L không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án; đồng thời, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần

Thơ và bị cáo cũng đề nghị xét xử vắng mặt ông L. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Bản Cáo trạng đã nêu. Xét thấy, lời nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được, từ đó có đầy đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xác định: Vào ngày 08/3/2026, tại ấp A1, xã B, thành phố Cần Thơ, bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 máy tưới nước cùng 01 ống nước bằng nhựa dẻo của bị hại ông L với trị giá là 3.045.000 đồng. Vào ngày 03/4/2026, tại ấp A1, xã B, thành phố Cần Thơ, bị cáo tiếp tục có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Maxway, biển số N-NN2 của bị hại ông P với trị giá là 3.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt qua 02 lần là 6.045.000 đồng. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Từ đó, có đủ cơ sở khẳng định Bản Cáo trạng số 18/CT-VKSCTO-KV ngày 23/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho bị cáo và không bỏ lọt tội phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận Bản Cáo trạng.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã cố ý thực hiện tội phạm. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo; các tài sản bị chiếm đoạt đều đã được thu hồi và trả lại cho các bị hại nên được xem là chưa gây thiệt hại; bị cáo có trình độ học vấn thấp (Lớp 6/12) nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế và bị hại ông L xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[7] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Vấn đề này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật, khả năng tự cải tạo bản thân của bị cáo, nên cần được cân nhắc khi quyết định hình phạt.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[9] Về hình phạt: Mức hình phạt của tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Trên cơ sở cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả mà hành vi phạm tội gây ra cho xã hội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo, cũng như yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm sở hữu trong tình hình hiện nay, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội; đồng thời góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

[10] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý xong và hiện không còn tạm giữ vật chứng gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không ổn định và không có tài sản riêng có giá trị, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản đầy đủ và không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 38, Điều 50, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025).

Tuyên bố: Bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt: Bị cáo T **01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam (ngày 15/4/2026).

2. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý xong và hiện không còn tạm giữ vật chứng gì, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

3. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại ông L và ông P đã nhận lại tài sản đầy đủ và không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025); khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025).

Bị cáo T và bị hại ông P có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại ông L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND KV10-Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- CQĐT Công an thành phố Cần Thơ;
- CQTHAHS Công an thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Việt